

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN ĐỒNG ĐỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TÂN ĐỒNG ĐỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN DONG DOI TRADING AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAN DONG DOI JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109134869

3. Ngày thành lập: 23/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11 X3 Tổ dân phố số 6, Đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 85 892 892

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
2.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
5.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
6.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ. (trừ hoạt động đấu giá)	4530
9.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hoá...	0118
11.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932

13.	Cho thuê xe có động cơ	7710
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
17.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
18.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520(Chính)
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng Chi tiết : Sản xuất gỗ và các sản phẩm từ gỗ	1622
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống	4620
22.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
23.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
24.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
25.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
26.	Sản xuất sợi	1311
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu thô Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
29.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	4730
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hoá; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy;	5225
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...	4669

34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
37.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
38.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
39.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
40.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
43.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
44.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
45.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	5229
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết:- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;	4773
54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Xây dựng nhà không để ở	4102
57.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
58.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
59.	Xây dựng công trình điện	4221
60.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
61.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
62.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

63.	Phá dỡ	4311
64.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
65.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
66.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
67.	Bán buôn tổng hợp	4690
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
69.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
70.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
71.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
75.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:- Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;	4649
78.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Xây dựng công trình thủy	4291
81.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
82.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết : Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN TUẤN	Khu 2, Phường Trung Vương, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,300	022084005604	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,300		
2	PHẠM VĂN HUY	P2526 – CT10B – KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,300	033088001613	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,300		
3	VÕ MINH TÚ	Thôn Thanh Lương, Xã Ân Tín, Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	33,300	215237622	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	33,300		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/08/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033088001613

Ngày cấp: 15/09/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P2526 – CT10B – KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2526 – CT10B – KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội